

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Y tế tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1095/QĐ-BYT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Dân số - Sức khỏe sinh sản và lĩnh vực Trẻ em thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1158/QĐ-BYT ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung ban hành kèm theo Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 1708/TTr-SYT ngày 04 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Y tế tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính:

- Sửa đổi 02 thủ tục hành chính cấp tỉnh, huyện, xã và 04 thủ tục hành chính cấp xã lĩnh vực Trẻ em đã được ban hành tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Sửa đổi 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh và 01 thủ tục hành chính cấp huyện lĩnh vực Bảo trợ xã hội đã được ban hành tại Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Y tế tỉnh Đồng Nai.

(Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

Sửa đổi 02 quy trình nội bộ, quy trình điện tử cấp tỉnh, huyện, xã và 04 quy trình nội bộ cấp xã lĩnh vực Trẻ em đã được ban hành tại Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

(Quy trình nội bộ, điện tử giải quyết thủ tục hành chính kèm theo).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các nội dung khác của thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 961/QĐ-UBND, Quyết định số 1906/QĐ-UBND, Quyết định số 992/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên trang Thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Y tế cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của Chính phủ.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật nội dung các thủ tục hành chính đã được công bố trên Cổng dịch vụ công của tỉnh; cấu hình quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố trên Phần mềm một cửa điện tử (Egov) của tỉnh theo quy định. Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Khoa học và công nghệ; Giám đốc Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Y tế;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai;
- Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, KGVX, TTHCC, Cổng TTĐT tỉnh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Sơn Hùng



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THỦ TỤC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA NGÀNH Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Cách thức và địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện (Sửa đổi, bổ sung) ¹ | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú ² |
|--|----------|---|---------------------|--|---|-------------|--|---|
| A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, HUYỆN, XÃ | | | | | | | | |
| Lĩnh vực Trẻ em | | | | | | | | |
| 1 | 1.004946 | Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em | 12 giờ | Trực tiếp (Các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân nếu phát hiện hoặc có thông tin về hành vi xâm hại trẻ em hoặc trẻ em có nguy cơ bị xâm hại có trách nhiệm thông báo ngay cho Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh các cấp hoặc cơ quan Công an các cấp hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ việc) | Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an các cấp | Không có | - Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1095/QĐ-BYT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế |

¹ Phần chữ In nghiêng là Nội dung sửa đổi, bổ sung.

² Đã được cập nhật công khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn/p/home/doc-the-quyet-dinh-cong-bo-chi-tiet.html?ma_quyet_dinh=100221)

| | | | | | | | | |
|-----|----------|--|--|-----------------------------------|---|-------------|--|---|
| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Cách thức và địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện (Sửa đổi, bổ sung) ¹ | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú ² |
| 2 | 1.004944 | Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện | Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban dân cấp xã | Không có | - Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1095/QĐ-BYT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế |

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Lĩnh vực Bảo trợ xã hội

| | | | | | | | | |
|---|----------|---|---|---|---------|----------|--|---|
| 3 | 2.000135 | Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (Số 236, Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh (http://dichvucong.doanai.gov.vn), Cổng Dịch vụ công Quốc | Sở Y tế | Không có | - Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1158/QĐ-BYT ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế |
|---|----------|---|---|---|---------|----------|--|---|

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Cách thức và địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện (Sửa đổi, bổ sung) ¹ | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú ² |
|-----|---------|------------------------|---------------------|--|---|-------------|---|----------------------|
| | | | | gia (https://dichvucong.gov.vn) | | | doanh và TTHC thuộc phạm vi QLNN của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. | |

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Lĩnh vực Bảo trợ xã hội

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Cách thức và địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện (Sửa đổi, bổ sung) ¹ | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú ² |
|-----|----------|--|---|--|---|-------------|--|---|
| 4 | 1.000669 | Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc trực tuyến. | Phòng Y tế | Không có | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi QLNN của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1158/QĐ-BYT ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Cách thức và địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện (Sửa đổi, bổ sung) ¹ | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú ² |
|-----|---------|------------------------|---------------------|---------------------------------|---|-------------|---|----------------------|
| | | | | | | | các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. | |

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Lĩnh vực Trẻ em

| | | | | | | | | |
|---|----------|--|---|-----------------------------------|------------------------------|----------|--|---|
| 5 | 2.001947 | Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trực tiếp | Ủy ban nhân dân cấp xã | Không có | - Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1095/QĐ-BYT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế |
| 6 | 1.004941 | Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện | Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi) | Không có | - Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày | Nội dung TTHC thực hiện theo |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Cách thức và địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện (Sua đổi, bổ sung) ¹ | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú ² |
|-----|----------|--|---|-----------------------------------|---|-------------|--|---|
| | | đôi với cả nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em | | | cư trú của cá nhân, người đại diện gia đình có nguyện vọng nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em) | | 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. | Quyết định số 1095/QĐ-BYT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế |
| 7 | 2.001944 | Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện | Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi cư trú của cá nhân, người đại diện gia đình có nguyện vọng nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em) | Không có | - Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1095/QĐ-BYT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế |

| Stt | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Cách thức và địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện (Sửa đổi, bổ sung) ¹ | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú ² |
|-----|----------|--|--|-----------------------------------|---|-------------|--|---|
| 8 | 2.001942 | Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cả nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế | 25 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ | Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện | Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi cư trú của cá nhân, người đại diện gia đình có nguyện vọng nhận chăm sóc thay thế trẻ em) | Không có | <ul style="list-style-type: none"> - Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1095/QĐ-BYT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế |



**QUY TRÌNH NỘI BỘ, ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA NGÀNH Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

**Phần I
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, ĐIỆN TỬ**

| Stt | Mã TTHC | Tên quy trình | Thời gian giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ | Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov | Số trang tại Phần II |
|---|-----------|---|--|--|--|----------------------|
| I. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử cấp tỉnh, huyện, xã | | | | | | |
| 1 | 1.004.946 | Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em | 12 giờ | Các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân nếu phát hiện hoặc có thông tin về hành vi xâm hại trẻ em hoặc trẻ em có nguy cơ bị xâm hại có trách nhiệm thông báo ngay cho Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh các cấp hoặc cơ quan Công an các cấp hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ việc | Sửa đổi (quy trình nội bộ) | 1 |
| 2 | 1.004.944 | Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ban hành quyết định giao, nhận trẻ em | Sửa đổi (quy trình nội bộ) | 2 |
| II. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử cấp xã | | | | | | |
| 3 | 2.001.947 | Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ việc | Sửa đổi (quy trình nội bộ) | 3 |

| | | | | | | |
|---|-----------|---|---|---|-------------------------------|---|
| | | xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt | | | | |
| 4 | 1.004.941 | Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Cá nhân, người đại diện gia đình có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận chăm sóc thay thế làm hồ sơ theo quy định, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú để lập danh sách đăng ký nhận chăm sóc thay thế | Sửa đổi (quy trình nội bộ) | 4 |
| 5 | 2.001.944 | Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Cá nhân, người đại diện gia đình là người thân thích của trẻ em đủ điều kiện nhận chăm sóc thay thế phải thông báo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú để ra quyết định giao, nhận chăm sóc thay thế. | Sửa đổi (quy trình nội bộ) | 5 |
| 6 | 2.001.942 | Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế | 25 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ | Người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm lập danh sách và hồ sơ trẻ em có nhu cầu tìm cá nhân, gia đình chăm sóc thay thế, gửi Sở Y tế đối với cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý cấp huyện | Sửa đổi (quy trình nội bộ) | 6 |